

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
N PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2020/HNGĐ-ST
Ngày 03-8-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TÒA ÁN NHÂN DÂN N PHỐ HẢI PHÒNG

- N phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Ngọc Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Kim San

Bà Nguyễn Thị Mai Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân N phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:
Ông Hà Văn Dồn - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 66/2020/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 187/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 146/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị T, nơi cư trú: Thôn ĐT, xã TD, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Đỗ Văn N, nơi cư trú cuối cùng ở Việt N: Thôn ĐT, xã TD, huyện VB, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: **Trung Quốc**. Vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Hoàng Thị T trình bày:

Chị kết hôn với anh Đỗ Văn N trên cơ sở tự nguyện của hai bên và có đăng ký kết hôn tại UBND xã NL, huyện ĐB, tỉnh ĐB từ ngày 01 tháng 3 năm 2011. Quá trình chung sống của vợ chồng hạnh phúc đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tháng 3 năm 2017 anh N đi lao động ở nước ngoài (Trung Quốc), mỗi người sống một nơi nên từ đó tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần.

Vợ chồng thường xuyên bất đồng với nhau về quan điểm sống, không tin tưởng nhau về kinh tế và tình cảm. Anh chị đã sống ly thân với nhau được khoảng hai năm nay, mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau. Chị chỉ biết địa chỉ cuối cùng của anh N tại Việt N ở thôn ĐT, xã TD, huyện VB, thành phố Hải Phòng còn địa chỉ cụ thể ở Trung Quốc của anh N như thế nào thì chị không biết. Anh N vẫn liên lạc với người thân trong gia đình anh là ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Thị R, địa chỉ: Thôn ĐT, xã TD, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Nay, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh N để chị nhanh chóng ổn định cuộc sống.

Vợ chồng anh chị có hai con chung là Đỗ Thị Diệu L, sinh ngày 16 tháng 12 năm 2011 và Đỗ Hoàng Bảo N, sinh ngày 14/12/2013. Hiện nay, các cháu đang sống cùng với chị, sức khỏe các cháu bình thường. Khi ly hôn, chị đề nghị được nuôi dưỡng cả hai con chung, việc cấp dưỡng nuôi con chung, chị xin tự giải quyết với anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Đỗ Văn N:

Sau khi thụ lý, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý cho mẹ đẻ anh là bà Nguyễn Thị R. Tòa án đã 2 lần thông báo cho bố mẹ đẻ anh cung cấp địa chỉ của anh N ở Trung Quốc và yêu cầu ông bà cho biết kết quả về việc ông bà đã thông báo cho anh N để gửi lời khai về Tòa án chưa. Tòa án đã ủy thác và lời khai của bà Nguyễn Thị R và ông Nguyễn Văn T thể hiện: Anh N vẫn thường xuyên liên lạc với bà R nhưng bà R không biết địa chỉ cụ thể anh N ở Trung Quốc. Anh N biết việc chị T xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn với chị T. Anh N đồng ý để chị T nuôi cả hai con chung khi ly hôn.

Tại phiên tòa, chị Hoàng Thị T và anh Đỗ Văn N đều vắng mặt và chị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại đơn đề nghị xin vắng mặt của chị T thể hiện chị vẫn giữ nguyên lời khai như tại đơn khởi kiện, bản tự khai.

Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân N phố Hải Phòng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ, tham gia phiên tòa đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Đỗ Văn N vắng mặt tại phiên tòa không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng theo quy định tại **Điều 227 và Điều 228** Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Chị Hoàng Thị T và anh Đỗ Văn N xây dựng gia đình với nhau tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã NL, huyện ĐB, tỉnh ĐB từ ngày 01 tháng 3 năm 2011 là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T. Về con chung: Giao hai con chung Đỗ Thị Diệu L, sinh ngày 16 tháng 12 năm 2011 và Đỗ

Hoàng Bảo N, sinh ngày 14/12/2013 cho chị T nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con chung chị T xin tự giải quyết với anh N nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết. Về tài sản chung: Chị T xin tự giải quyết với anh N, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời khai của đương sự tại phiên tòa, xét thấy:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về việc ly hôn. Bị đơn anh Đỗ Văn N hiện đang sinh sống ở nước ngoài (Trung Quốc), nguyên đơn chị Hoàng Thị T sinh sống tại thành phố Hải Phòng, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Hoàng Thị T và anh Đỗ Văn N đều vắng mặt, chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Việc tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho anh Đỗ Văn N: Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh Đỗ Văn N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. **Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự**, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đánh giá như sau:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị T và anh Đỗ Văn N xây dựng gia đình với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã NL, huyện DB, tỉnh DB từ ngày 01 tháng 3 năm 2011 theo quy định tại Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2010 đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống của vợ chồng hạnh phúc đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tháng 3 năm 2017 anh N đi lao động ở nước ngoài. Chính vì sự xa cách về địa lý nên từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, thường xuyên bất đồng với nhau về quan điểm sống, không tin tưởng nhau về kinh tế và tình cảm. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân với nhau được một khoảng thời gian dài, mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải song không đạt kết quả. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị T và anh N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận đề nghị ly hôn của chị T.

[4] Về con chung: Chị Hoàng Thị T và anh Đỗ Văn N có hai con chung là: Đỗ Thị Diệu L, sinh ngày 16 tháng 12 năm 2011 và Đỗ Hoàng Bảo N, sinh ngày 14/12/2013. Hiện tại cả hai con chung đều ở với chị T. Ly hôn, chị T đề nghị được nuôi dưỡng các con chung, việc cấp dưỡng nuôi con chung, chị T xin tự giải quyết với anh N. Xét thấy, hiện nay con chung đang ở với chị T, anh N đang ở nước

ngoài, gia đình anh N đồng ý để cho chị T nuôi dưỡng con chung khi chị T và anh N ly hôn. Mặt khác, các con chung còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ, cháu L có nguyện vọng ở với chị T. Do đó, cần giao các con chung cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, phù hợp với quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về tài sản chung: Chị Hoàng Thị T không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung, chị xin tự giải quyết với anh Đỗ Văn N nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hoàng Thị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị T và anh Đỗ Văn N được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 3 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Đỗ Văn N.

2. Về con chung: Giao cả hai con chung là Đỗ Thị Diệu L, sinh ngày 16 tháng 12 năm 2011 và Đỗ Hoàng Bảo N, sinh ngày 14/12/2013 cho chị Hoàng Thị T nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Hoàng Thị T không yêu cầu giải quyết, chị xin tự giải quyết với anh Đỗ Văn N nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Hoàng Thị T không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung, chị xin tự giải quyết với anh Đỗ Văn N nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hoàng Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số 0008545

ngày 31 tháng 3 năm 2020 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng . Chị Hoàng Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị T (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Anh Đỗ Văn N (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND phường NL, thành phố DB, tỉnh DB;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Ngọc Dũng

